

Tội xâm phạm chỗ ở của công dân trong luật hình sự Việt Nam: Luận văn ThS. Luật: 60 38 40 / Lê Thiết Hùng ; Nghd. : TS. Trịnh Tiên Việt

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI XÂM PHẠM CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	11
1.1. Khái niệm quyền con người, quyền công dân, quyền tự do, dân chủ của công dân và quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân	11
1.1.1. Khái niệm quyền con người	13
1.1.2. Khái niệm quyền công dân	16
1.1.3. Khái niệm quyền tự do, dân chủ của công dân	20
1.1.4. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân	24
1.2. Khái niệm tội xâm phạm chỗ ở của công dân và ý nghĩa của việc quy định tội phạm này trong luật hình sự Việt Nam	29
1.2.1. Khái niệm tội xâm phạm chỗ ở của công dân	29
1.2.2. Ý nghĩa của việc quy định tội xâm phạm chỗ ở của công dân trong luật hình sự Việt Nam	33
1.3. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam về tội xâm phạm chỗ ở của công dân từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay	35
1.3.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985	35
1.3.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước	41

pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999	
Chương 2: TỘI XÂM PHẠM CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ	45
2.1. Tội xâm phạm chỗ ở của công dân theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999	45
2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự	45
2.1.2. Hình phạt	50
2.1.3. Phân biệt tội xâm phạm chỗ ở của công dân với một số tội phạm khác có liên quan trong luật hình sự Việt Nam	51
2.2. Thực tiễn xét xử tội xâm phạm chỗ ở của công dân	54
2.2.1. Tình hình xét xử tội xâm phạm chỗ ở của công dân	54
2.2.2. Một số tồn tại trong thực tiễn xét xử - lập pháp hình sự và những nguyên nhân	63
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ TỘI XÂM PHẠM CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN	77
3.1. Sự cần thiết và ý nghĩa của việc hoàn thiện pháp luật các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân	77
3.1.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân	77
3.1.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân	80
3.2. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân	82
3.2.1. Nhận xét chung	82
3.2.2. Nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung	83
3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân	87
3.3.1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân	87
3.3.2. Xử lý nghiêm minh, kịp thời và đúng pháp luật người phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân	89
3.3.3. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án với các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trong	90

	phát hiện, xử lý và cải tạo, giáo dục người phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân	
3.3.4.	Quản lý hành chính về trật tự xã hội, nhân khẩu, đất đai tại địa bàn phức tạp về an ninh trật tự và có mâu thuẫn, tranh chấp về chỗ ở	92
3.3.5.	Hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự liên quan đến quản lý, khám xét chỗ ở của công dân	93
	KẾT LUẬN	97
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng năm 1986, công cuộc đổi mới đất nước chính thức được đặt ra với nội dung cơ bản là chuyển nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dân chủ hóa đời sống xã hội trên cơ sở xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, mở rộng tăng cường giao lưu hợp tác. Với việc đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi chính sách, coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của công cuộc phát triển thì công cuộc đổi mới từ đó đến nay không chỉ tác động đến kinh tế, xã hội, văn hóa, mà còn chi phối cả nhận thức, hành động và cả thực tế bảo đảm quyền con người ở nước ta trong thời gian vừa qua cùng với xu thế chung của nhân loại trên toàn thế giới.

Hiện nay, nghiên cứu về quyền con người, quyền công dân, quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung và vấn đề bảo vệ các quyền này nói riêng đã và đang là vấn đề được Nhà nước và toàn xã hội đặc biệt quan tâm, cũng như thực thi các cơ chế để bảo đảm ngày càng được chú trọng. Bởi lẽ, cùng với quá trình giải phóng dân tộc, sự thắng lợi của nhân dân toàn thế giới trong việc bảo vệ các quyền của con người tồn tại ở các Nhà nước độc lập, đồng thời cụ thể hóa các tư tưởng tiến bộ trong Bản tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền vào ngày 10/12/1948 của Đại Hội đồng Liên Hợp quốc, bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam được thông qua tháng 11/1946 đã có đến 11 điều ghi nhận các quyền cơ bản của công dân, trong đó có các quyền tự do, dân chủ như: quyền bình đẳng, quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, tự do đi lại, quyền bất khả xâm phạm về thân thể và bất khả xâm phạm về nhà ở, thư tín... Những quyền này cùng với hệ thống các quyền khác tạo nên **quyền cơ bản của công dân** được Hiến pháp ghi nhận và bảo vệ bằng các ngành luật khác nhau.

Về cơ bản, các quyền công dân, quyền tự do, dân chủ của công dân và quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân đã được cụ thể hóa và ghi nhận

trong một số điều luật của Chương V Hiến pháp năm 1992. Ngoài ra, Quốc hội cũng đã ban hành nhiều Bộ luật, Luật để tạo hệ thống công cụ pháp lý đầy đủ và cần thiết nhằm bảo vệ và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân.

Hai nhóm quyền *tự do* và *dân chủ* của công dân là khách thể chung của nhóm tội xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân được quy định tại Chương XIII Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, trường hợp các hành vi phạm tội xâm phạm tới các quyền tự do, dân chủ của công dân cũng có nghĩa là đã trực tiếp xâm hại tới các quy định của Hiến pháp và pháp luật hình sự, đồng thời thông qua việc gây thiệt hại cho công dân, các hành vi phạm tội này còn gián tiếp gây thiệt hại cho việc thực hiện các đường lối, chủ trương và chính sách xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước của Đảng và Nhà nước.

Như đã đề cập, chủ trương đổi mới toàn diện đất nước được đặt ra và triển khai từ Đại hội lần thứ VI (năm 1986) của Đảng ta, trong đó có đề cập đến việc "*tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách hành chính nhà nước*". Vấn đề này đã chính thức được đặt ra tại các Đại hội sau đó của Đảng, đồng thời đã được đánh dấu và ghi nhận trong các Nghị quyết 8 Trung ương khóa VII, Nghị quyết 3 và 7 Trung ương khóa VIII, đặc biệt là Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 "*Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*" và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị "*Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*". Cụ thể hóa điều này, đòi hỏi hệ thống pháp luật nói chung, trong đó có pháp luật hình sự (và cả pháp luật tố tụng hình sự) nói riêng phải ngày càng hoàn thiện và thực sự là công cụ hữu hiệu của Nhà nước ta để bảo vệ một cách tối đa và đầy đủ nhất các quyền, tự do của con người và của công dân.

Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, nơi sinh sống của công dân cũng là một quyền rất cần thiết cho tự do cá nhân của mỗi công dân trong xã hội. Chính vì vậy, quyền này cũng được Hiến pháp bảo đảm. Điều 73 Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: "... Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của

người khác nếu người đó không đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép...". Trong nhóm các tội xâm phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, các hành vi phạm tội đã nêu diễn ra tương đối phổ biến, trong đó đáng chú ý là hành vi xâm phạm chỗ ở của công dân trong thực tiễn nhưng việc điều tra, truy tố và xét xử loại tội phạm này còn chưa nhiều. Chẳng hạn, trong mấy năm gần đây cho thấy, nếu năm 2007 là 07 vụ, 12 bị cáo; năm 2008 là 08 vụ, 17 bị cáo; năm 2009 là 09 vụ, 19 bị cáo và năm 2010 là 06 vụ và 08 bị cáo... Ngoài ra, việc áp dụng cũng chưa triệt để và quyết liệt với trường hợp một số khó khăn, vướng mắc vì, một mặt nếu áp dụng không đúng dễ xâm phạm, động chạm đến quyền tự do, dân chủ, quyền con người, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, nhưng mặt khác, nếu không áp dụng cũng rất dễ bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội. Đặc biệt, một số dấu hiệu định tội, định khung đối với tội phạm này cũng cần được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hướng dẫn thống nhất trong thực tiễn xét xử.

2. Tình hình nghiên cứu

Dưới góc độ khoa học pháp lý, trong thời gian qua việc nghiên cứu về các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung bắt đầu đã được nghiên cứu, còn nghiên cứu riêng rẽ và độc lập về tội xâm phạm chỗ ở của công dân mới chỉ được đề cập gián tiếp qua phân tích chung về cả nhóm tội thông qua các yếu tố cấu thành tội phạm (khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm) và hình phạt trên ba bình diện khoa học:

* Ở cấp độ giáo trình đại học, sách tham khảo, chuyên khảo hay sách bình luận: 1) PGS.TS. Phạm Hồng Hải & GS.TSKH. Lê Cẩm, *Chương 5 - Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân*, Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Tập thể tác giả do GS. TSKH. Lê Cẩm chủ biên, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003; 2) GS.TS. Hồ Trọng Ngũ, *Chương IV - Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân*, Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Tập thể tác giả do GS. TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Công an

nhân dân, Hà Nội, 2001; 3) TS. Trương Quang Vinh, *Chương XIX - Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân*, Trong sách: *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Tập I*, Tập thể tác giả do GS. TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2005; 4) TS. Trần Minh Hưởng, *Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003; 5) TS. Trần Minh Hưởng (chủ biên), TS. Đỗ Đức Hồng Hà, TS. Trịnh Tiến Việt và tập thể tác giả, *Chương XIX - Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân*. Trong sách: *Tìm hiểu Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2010; 6) TS. Trần Văn Luyện, *Chương XIII - Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân*, Trong sách: *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 (Phần các tội phạm)*, Tập thể tác giả, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2001; 7) ThS. Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Phần các tội phạm, Tập III - Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình*, Nxb. thành phố Hồ Chí Minh, 2002; 8) TS. Trịnh Tiến Việt (chủ biên), *Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân theo luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.

* Ở cấp độ khác: Qua nghiên cứu cho thấy, trong khoa học luật hình sự Việt Nam trước đây và hiện nay chưa có khóa luận, luận văn hay luận án tiến sĩ luật học nào đề cập đến tội phạm này. Còn dưới góc độ bài viết chỉ có công trình của TS. Trịnh Tiến Việt, *Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân: Một số khía cạnh pháp lý hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 6 (tháng 3)/2007. Tuy nhiên, bài viết này cũng chỉ đề cập chung đến cả nhóm tội phạm xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân.

Như vậy, qua nghiên cứu nội dung các công trình trên cho thấy: một số công trình có phạm vi nghiên cứu rộng và chung cả nhóm tội, trong đó vấn đề về tội xâm phạm chỗ ở của công dân chỉ là một phần nhỏ trong nội dung nghiên cứu của các tác giả trong các giáo trình, sách bình luận, nên chưa được phân tích sâu về mặt lý luận và thực tiễn, đặc biệt là nghiên cứu độc lập và đánh giá thực tiễn xét xử của Tòa án ở nước ta từ năm 2000-2010. Do đó,

cho đến nay, vẫn chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu độc lập, có hệ thống và ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học dưới góc độ pháp lý hình sự về tội xâm phạm chỗ ở của công dân. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu lý luận để hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân, phân tích thực tiễn xét xử tội phạm này từ năm 2000-2010, cũng như đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội phạm này rõ ràng vẫn có ý nghĩa về mặt chính trị - xã hội và thực tiễn - pháp lý quan trọng. Từ những lý do trên, học viên quyết định lựa chọn đề tài "**Tội xâm phạm chỗ ở của công dân trong luật hình sự Việt Nam**" làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

3. Mục đích và đối tượng nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu một cách có hệ thống về những vấn đề pháp lý cơ bản của tội xâm phạm chỗ ở của công dân như: khái niệm, các dấu hiệu pháp lý và hình phạt đối với người phạm tội, phân biệt tội xâm phạm chỗ ở của công dân với một số tội phạm khác có liên quan trong Bộ luật hình sự, đồng thời đi sâu vào phân tích thực tiễn xét xử tội xâm phạm chỗ ở của công dân từ năm 2000-2010. Trên cơ sở đó, luận văn chỉ ra một số vướng mắc, tồn tại trong công tác xử lý, định tội để đề xuất một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về loại tội này.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đúng như tên gọi của nó - *Tội xâm phạm chỗ ở của công dân trong luật hình sự Việt Nam*.

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận là phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu trong đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học luật hình sự như: phân tích, tổng hợp và thống kê xã hội học; phương pháp so sánh, đối chiếu; phân tích quy phạm pháp luật, khảo sát thực tiễn; điều tra án điển hình... để phân tích và luận chứng các vấn đề khoa học cần nghiên cứu trong luận văn này.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện đề tài luận văn, tác giả đã tiếp thu có chọn lọc kết quả của các công trình đã công bố, các đánh giá, tổng kết của các cơ quan chuyên môn là các chuyên gia về những vấn đề có liên quan đến các vấn đề nghiên cứu trong luận văn.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

5.1. Về lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận về tội phạm nói chung, tội xâm phạm chỗ ở của công dân trong khoa học luật hình sự Việt Nam nói riêng. Cụ thể, đã làm rõ các vấn đề chung về tội xâm phạm chỗ ở của công dân trong luật hình sự Việt Nam, phân tích khái quát lịch sử hình thành và phát triển của luật hình sự nước ta về tội phạm này từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, phân biệt tội này và một số tội khác hay có sự nhầm lẫn trong thực tiễn; làm sáng tỏ các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân; phân tích thông qua nghiên cứu thực tiễn xét xử trên địa bàn toàn quốc từ năm 2000-2010 và nghiên cứu thông qua các bản án hình sự của Tòa án để đánh giá, đồng thời qua đó chỉ ra một số mâu thuẫn, bất cập của các quy định hiện hành; chỉ ra các sai sót trong quá trình áp dụng các quy định đó, cũng như đưa ra nguyên nhân để tìm giải pháp khắc phục, đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội xâm phạm chỗ ở của công dân ở khía cạnh lập pháp và việc áp dụng trong thực tiễn (đó là giải pháp về mặt tội phạm học).

5.2. Về thực tiễn

Luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận, có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, học tập. Một số đề xuất, kiến nghị của luận văn sẽ cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ cho công tác lập pháp

và hoạt động thực tiễn áp dụng Bộ luật hình sự Việt Nam liên quan đến tội xâm phạm chỗ ở của công dân, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội này ở nước ta hiện nay và sắp tới.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có kết cấu làm ba chương với 8 mục chính.

Chương 1

CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI XÂM PHẠM CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm quyền con người, quyền công dân, quyền tự do, dân chủ của công dân và quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

Quyền con người là thành quả phát triển lâu dài của lịch sử xã hội loài người, quyền con người là một trong những giá trị tinh thần cao quý nhất, cao cả nhất của nền văn minh nhân loại trong thời đại ngày nay.

Quyền con người, quyền công dân, quyền tự do, dân chủ của công dân và quyền tự do chỗ ở thể hiện các mức độ khác nhau của nội hàm của khái niệm *nhân quyền*. Trên cơ sở này, tác giả luận văn đã làm sáng tỏ bốn quyền trên.

1.1.1. Khái niệm quyền con người

Quyền con người có quan hệ biện chứng với nhiều thiết chế như: phẩm giá con người, nhu cầu, khả năng của con người, quyền công dân, phát triển con người, an ninh quốc gia, an ninh quốc tế, tự do, dân chủ; v.v..., đặc biệt là mối quan với thiết chế nhà nước và pháp luật. Do đó, dưới góc độ khoa học, *khái niệm quyền con người được hiểu là những đặc quyền (quyền tự nhiên) của con người được pháp luật bảo đảm do cá nhân con người nắm giữ trong các quan hệ của mình với các cá nhân khác và với Nhà nước.*

1.1.2. Khái niệm quyền công dân

Khái niệm quyền con người thường gắn liền với khái niệm quyền công dân - quyền được quy định bởi pháp luật quốc gia. Do đó, dưới góc độ khoa

học, *khái niệm quyền công dân được hiểu là những quyền mà công dân được hưởng khi Nhà nước quy định và bảo đảm thực hiện trong thực tế.*

1.1.3. Khái niệm quyền tự do, dân chủ của công dân

Tự do và dân chủ là tiền đề để phát triển lẫn nhau, sự phát triển đầy đủ của dân chủ sẽ tạo ra tự do chân chính, và ngược lại có tự do thực sự sẽ đem lại tự do, được hành động theo ý chí của mình trong mối liên hệ tôn trọng ý chí của người khác, đem lại dân chủ cho toàn xã hội và cho mỗi cá nhân con người. Do đó, dưới góc độ khoa học, *khái niệm quyền tự do, dân chủ của công dân được hiểu là quyền làm chủ của người dân về suy nghĩ, hành động của bản thân mình trên cơ sở tôn trọng lợi ích chung của cộng đồng, xã hội, đồng thời được Nhà nước ghi nhận và bảo vệ.*

1.1.4. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

Chỗ ở của công dân được hiểu là nơi diễn ra các sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày của công dân, công dân sẽ cảm thấy sự tự do thoải mái của mình ở đó mà không bị gò bó hay phải chịu bất kỳ sự dằn buộc nào. Việc quy định và bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở là một lẽ tự nhiên cũng như đó chính là bảo vệ một trong số các quyền của con người. Do đó, dưới góc độ khoa học, *khái niệm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân là một loại quyền tự do của công dân, thể hiện quyền làm chủ của người dân về chỗ ở của mình đối với người khác, đồng thời quyền này được Nhà nước ghi nhận các biện pháp bảo vệ và bảo đảm thực hiện bằng pháp luật.*

1.2. Khái niệm tội xâm phạm chỗ ở của công dân và ý nghĩa của việc quy định tội phạm này trong luật hình sự Việt Nam

1.2.1. Khái niệm tội xâm phạm chỗ ở của công dân

Khái niệm tội xâm phạm chỗ ở của công dân cần thể hiện được đầy đủ cả ba bình diện tương ứng với năm đặc điểm (dấu hiệu) cơ bản của tội phạm. Do đó, dưới góc độ khoa học luật hình sự, *khái niệm tội xâm phạm chỗ ở của công dân là hành vi khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác, đuổi trái pháp luật người khác khỏi chỗ ở của họ hoặc có những hành vi trái pháp luật khác xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, do người có*

năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý.

Như vậy, từ khái niệm nêu trên, có thể chỉ ra những đặc điểm cơ bản xã hội - pháp lý cơ bản của tội xâm phạm chỗ ở của công dân như sau:

Một là, tội xâm phạm chỗ ở của công dân nằm trong nhóm tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân.

Hai là, tội xâm phạm chỗ ở của công dân được thể hiện bằng một trong các hành vi - khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác, đuổi trái pháp luật người khác khỏi chỗ ở của họ hoặc có những hành vi trái pháp luật khác.

Ba là, hành vi phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân không thuộc các trường hợp xâm phạm tài sản khác của công dân.

Bốn là, tội xâm phạm chỗ ở của công dân do người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện.

Năm là, việc thực hiện tội xâm phạm chỗ ở của công dân được chủ thể thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý.

1.2.2. Ý nghĩa của việc quy định tội xâm phạm chỗ ở của công dân trong luật hình sự Việt Nam

Chỗ ở của công dân giữ một vị trí vô cùng quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của mỗi con người, vì chỗ ở là nơi diễn ra các sinh hoạt trong đời sống hàng ngày của con người và con người sẽ cảm thấy tự do thoải mái của mình ở đó. Trong những năm qua, mặc dù Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp đã nỗ lực cố gắng và đề ra nhiều giải pháp để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công dân được bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của mình.

1.3. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam về tội xâm phạm chỗ ở của công dân từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay

Trong phần này, tác giả luận văn đã làm sáng tỏ lịch sử hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam về tội xâm phạm chỗ ở của công dân từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay để chứng minh rằng - quyền bất khả

xâm phạm về chỗ ở của công dân luôn được tôn trọng và bảo vệ cho dù mức độ, cấp độ và sự thể hiện trong các văn bản pháp luật có lúc mờ nhạt khác nhau.

1.3.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ các quyền cơ bản của con người, Nhà nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa sau khi ra đời, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ sớm xây dựng Hiến pháp. Theo đó, tại Chương II của Hiến pháp năm 1946: "*Nghĩa vụ và quyền lợi của công dân*" mặc dù chỉ có 13 điều luật (từ điều 4-16) đã xác định tương đối đầy đủ các quyền cơ bản của công dân Việt Nam. Sau đó, một số văn bản khác cũng đề cập đến các quyền tự do, dân chủ của công dân và việc bảo vệ các quyền này như: 1) Sắc luật 234 ngày 14/6/1955 về quyền tự do tín ngưỡng của công dân; 2) Luật số 101-SL-L003 ngày 20/5/1957 quy định quyền lập hội; 3) Sắc luật số 003-SL ngày 18/6/1957 về quyền tự do xuất bản; 4) Luật số 103-L005 ngày 20/5/1957 bảo đảm quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của công dân; 5) Sắc luật 002-SL ngày 18/6/1957 quy định những trường hợp phạm pháp quả tang và những trường hợp khẩn cấp; v.v...

1.3.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Trong lĩnh vực bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, ở ngay Chương III - Phần các tội phạm Bộ luật hình sự đầu tiên - Bộ luật hình sự năm 1985 đã có quy định về tội phạm này với các mức và loại hình phạt tương ứng. Ngoài ra, trong Chỉ thị số 12/CT/TW ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, trong đó nêu rõ: "*Quyền cá nhân không tách rời nghĩa vụ và trách nhiệm công dân. Dân chủ đi đôi với kỷ cương. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân*". Nét đặc sắc về tư duy chính trị của Đảng ta trong Chỉ thị này là sự khẳng định mạnh mẽ: "*Nhân quyền là bản chất của chế độ ta, do đó, chúng ta cần phải giành lại thế chủ động trong cuộc đấu tranh trên lĩnh vực*

này". Từ đây, rất nhiều đề tài nghiên cứu khoa học đã được triển khai sâu và rộng. Về sau, qua quá trình thi hành và áp dụng, Bộ luật hình sự năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần và đến năm 1999, Quốc hội nước ta đã ban hành Bộ luật hình sự mới - Bộ luật hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Chương 2

TỘI XÂM PHẠM CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ

2.1. Tội xâm phạm chỗ ở của công dân theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Giống như các tội phạm khác, các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội xâm phạm chỗ ở của công dân cũng được phản ánh thông qua bốn yếu tố cấu thành tội phạm - khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm và hình phạt, cũng như các tình tiết định khung tăng nặng của tội phạm này.

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự

*** Khách thể của tội phạm**

Tội phạm này xâm phạm vào quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân đã được Hiến pháp và pháp luật Việt Nam bảo vệ.

*** Mặt khách quan của tội phạm**

Tội xâm phạm chỗ ở của công dân được thể hiện ở các loại hành vi sau: 1) Hành vi khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác; 2) Hành vi đuổi trái pháp luật người khác khỏi chỗ ở của họ và; 3) Các hành vi khác trái pháp luật xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

*** Mặt chủ quan của tội phạm**

Tội phạm này được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý.

Động cơ, mục đích phạm tội rất đa dạng nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm này.

*** Chủ thể của tội phạm**

Chủ thể của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự do luật định.

2.1.2. Hình phạt

1) Trong khoản 1 (cấu thành cơ bản) quy định hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm.

2) Trong khoản 2 (cấu thành tăng nặng) quy định hình phạt tù từ 1 năm đến 3 năm nếu phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây: a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn phạm tội; c) Gây hậu quả nghiêm trọng;

3) Trong khoản 3 quy định hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 năm đến 5 năm cho người phạm tội.

2.1.3. Phân biệt tội xâm phạm chỗ ở của công dân với một số tội phạm khác có liên quan trong luật hình sự Việt Nam

Trong phần này, tác giả luận văn đã phân biệt tội xâm phạm chỗ ở của công dân với một số tội phạm khác: tội xâm phạm an ninh lãnh thổ, tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác và tội cướp tài sản.

2.2. Thực tiễn xét xử tội xâm phạm chỗ ở của công dân

2.2.1. Tình hình xét xử tội xâm phạm chỗ ở của công dân

Qua nghiên cứu thực tiễn xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân trong thời gian 10 năm cho thấy, tội phạm này xảy ra trong thực tiễn bị xét xử chiếm tỷ lệ tương đối thấp trong tổng số các tội phạm hình sự bị Tòa án đưa ra xét xử. Cụ thể như sau:

1) Năm 2000, tổng số vụ đưa ra xét xử là 48.857 vụ và 74.261 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là 06 vụ và 14 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,01 % và 0,02 %;

2) Năm 2001, tổng số vụ đưa ra xét xử là 48.161 vụ và 70.022 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là 07 vụ và 14 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,01 % và 0,02 %;

3) Năm 2002, tổng số vụ đưa ra xét xử là 51.198 vụ và 74.069 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là 06 vụ và 12 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,01 % và 0,02 %;

4) Năm 2003, tổng số vụ đưa ra xét xử là 53.901 vụ và 83.612 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là 08 vụ và 15 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,01 % và 0,02 %;

5) Năm 2004, tổng số vụ đưa ra xét xử là 56.546 vụ và 92.290 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là 08 vụ và 09 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,01 % và 0,01 %;

6) Năm 2005, tổng số vụ đưa ra xét xử là 58.121 vụ và 96.221 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là 03 vụ và 03 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,01 % và 0,00 %;

7) Năm 2006, tổng số vụ đưa ra xét xử là 62.166 vụ và 103.733 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là 18 vụ và 40 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,03 % và 0,04 %;

8) Năm 2007, tổng số vụ đưa ra xét xử là 65.606 vụ và 114.578 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là 07 vụ và 12 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,01 % và 0,01 %;

9) Năm 2008, tổng số vụ đưa ra xét xử là 68.679 vụ và 120.610 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là 08 vụ và 17 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,01 % và 0,01 %.

10) Năm 2009, tổng số vụ đưa ra xét xử là 66.919 vụ và 117.867 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là 09 vụ và 19 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,01 % và 0,02 %.

11) Năm 2010, tổng số vụ đưa ra xét xử là 58.370 vụ và 101.986 bị cáo, thì tổng số vụ Tòa án đưa ra xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là 06 vụ và 08 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,01 % và 0,01 %.

Như vậy, nói chung tỷ lệ tổng số vụ án và tổng số bị cáo đã bị Tòa án nhân dân các cấp đưa ra xét xử chiếm tỷ lệ nhỏ, trung bình khoảng 0,01 % số vụ và 0,02 % số bị cáo, năm 2005 rất thấp (gần 0,01% và hơn 0,00%), riêng năm 2006 tỷ lệ này cao hơn so với các năm (0,03 % và trên 0,04 %). Ngoài ra:

Một là, qua số liệu thống kê của Văn phòng, Tòa án nhân dân tối cao cho thấy tình hình xét xử tội xâm phạm chỗ ở của công dân trong thời gian từ năm 2000-2010 số vụ và số bị cáo: tình hình xét xử tội xâm phạm chỗ ở của công dân xảy ra tuy không nhiều so với một số tội phạm khác nhưng thực tiễn xét xử cho thấy, năm nào Tòa án cũng phải xét xử về loại tội phạm này.

Hai là, phân tích tình hình số bị cáo đã xét xử cho thấy việc áp dụng chế tài đối với các bị cáo bị xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân trong thời gian 10 năm (2000-2010), mặc dù là tội nằm trong nhóm tội ít nghiêm trọng, nhưng việc áp dụng án treo và hình phạt do Tòa án áp dụng vẫn là chủ yếu đối với các bị cáo phạm tội này. Việc áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hay hình phạt cảnh cáo vẫn có được Tòa án áp dụng nhưng chiếm tỷ lệ không cao. Bên cạnh đó, cũng không có trường hợp nào bị Tòa án tuyên không có tội.

Ba là, phân tích các đặc điểm nhân thân các bị cáo đã bị Tòa án xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân cho thấy: số bị cáo là cán bộ, công chức bị xét xử về các tội phạm này chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Bị cáo phạm tội bị xét xử là nữ cũng chiếm tỷ lệ không cao trong số tội phạm này, năm 2010 là 01 bị cáo nữ. Số người phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân tập trung chủ yếu vào đối tượng người phạm tội là người thành niên (từ đủ 18 tuổi đến 30 tuổi).

Bốn là, trong tổng số các vụ và các bị cáo phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân thường chiếm tỷ lệ khá cao và năm nào cũng có.

Sau khi phân tích thực tiễn xét xử về tội phạm này có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, hành vi xâm phạm chỗ ở của công dân diễn ra tuy không nhiều nhưng đều được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành phân loại xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự.

Thứ hai, hành vi xâm phạm chỗ ở của công dân này được thực hiện công khai với biểu hiện là ý thức coi thường kỷ cương trật tự, pháp luật của Nhà nước, quyền tự do chỗ ở của công dân.

Thứ ba, hành vi xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân trong thực tế vì điều kiện hoàn cảnh khó khăn, người thực hiện hành vi phạm tội mặc dù biết đó là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì không có chỗ ở nên lợi dụng nhà không có người đang sử dụng nên đã có hành vi phá khóa cửa vào nhà để chiếm dụng ngôi nhà đó.

Thứ tư, trong thực tiễn xét xử tội xâm phạm chỗ ở của công dân (Điều 124 Bộ luật hình sự) mặc dù có xảy ra nhưng chiếm tỷ lệ cũng không cao (như đã đề cập), tuy nhiên về nguyên nhân phạm tội này xảy ra thường liên quan đến việc chỗ ở đó bị bỏ hoang, do mâu thuẫn nợ nần giữa hai bên chưa giải quyết dứt điểm hoặc vì động cơ vụ lợi.

2.2.2. Một số tồn tại trong thực tiễn xét xử - lập pháp hình sự và những nguyên nhân

Trong những năm qua, bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác xét xử của Tòa án bảo đảm tính nghiêm minh, có căn cứ và đúng pháp luật khi xét xử các bị cáo phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân, qua đó tôn trọng và bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của con người, của công dân, thì cũng trong công tác xét xử tội phạm này về cơ bản không có gì lớn. Tuy nhiên, qua nghiên cứu chúng tôi cũng thấy có tồn tại, hạn chế trên *hai* phương diện - từ thực tiễn xét xử và trên phương diện pháp lý (lập pháp hình sự) và lý luận (khoa học).

Một là, dưới góc độ thực tiễn xét xử cho thấy còn có các tồn tại, hạn chế sau:

* Còn trường hợp mặc dù hành vi xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân nhưng Tòa án áp dụng hình phạt còn nhẹ hoặc cho hưởng án treo đối với tội phạm này.

* Việc định tội danh còn chưa thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, giữa Tòa án cấp trên và Tòa án cấp dưới khi bị cáo thực hiện hành vi hủy hoại tài sản trong nhà của người bị hại.

* Còn có trường hợp hành vi xâm phạm đến chỗ ở đã cấu thành tội phạm nhưng do mối quan hệ gia đình nên Cơ quan điều tra chỉ xử lý hành chính.

* Do không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật mà cho rằng mọi việc làm của mình để đòi lại nhà bị chiếm đoạt là người bị hại chứ không phạm tội nên còn có quan điểm khác nhau.

Hai là, dưới góc độ lập pháp hình sự cũng cho thấy còn có một số tồn tại, hạn chế sau:

* Điều 124 Bộ luật hình sự chưa quy định rõ một người *khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác, đuổi trái pháp luật người khác khỏi chỗ ở của họ hoặc có những hành vi trái pháp luật khác xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân* trong thời gian bao lâu thì mới bị coi là phạm tội và xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân, từ đó dẫn đến còn quan điểm khác nhau trong các vụ án được Tòa án đưa ra xét xử.

* Cũng trong Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật của Nhà nước hiện hành cũng chưa quy định cụ thể về trường hợp "*gây hậu quả nghiêm trọng*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 124 Bộ luật hình sự là thế nào. Do đó, hạn chế này cần được các nhà làm luật nước ta kịp thời khắc phục.

* Mức phạt tù của điều luật còn nhẹ (khoản 1 Điều 124 Bộ luật hình sự), do đó, các nhà làm luật cần tăng mức hình phạt để bảo đảm tính răn đe và phòng ngừa chung.

* Cần bổ sung thêm tình tiết định khung tăng nặng "*phạm tội nhiều lần*" cho tương xứng với các tội phạm khác như tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (điểm d khoản 2 Điều 123); tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác (điểm c khoản 2 Điều 125 Bộ luật hình sự); v.v... đồng thời cần bổ sung tình tiết định khung tăng nặng "*xâm phạm chỗ ở của nhiều người*" vào khoản 2 điều luật nhằm đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội xâm phạm chỗ ở nói riêng, các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung.

Như vậy, từ những tồn tại của thực tiễn xét xử tội phạm và trên phương diện lập pháp và lý luận luật hình sự là do một số nguyên nhân sau đây:

Nguyên nhân thứ nhất, do một số quy định của Bộ luật hình sự nói chung, quy định về tội xâm phạm chỗ ở của công dân nói riêng còn có những hạn chế, vướng mắc nhất định cần phải được hoàn thiện.

Nguyên nhân thứ hai, sự tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, về quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân ở đây chưa được đầy đủ và thiếu thông tin, nên khi bị nhiều người xấu kích động, mua chuộc và lôi kéo cũng là nguyên nhân phạm tội. Hiện nay, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung, pháp luật hình sự, luật khiếu nại, tố cáo, luật lao động... nói riêng mặc dù trong những năm gần đây đã được chú ý và đã thu được kết quả tốt, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Nguyên nhân thứ ba, trên phương diện khách quan, do sự phát triển của nền kinh tế thị trường hiện nay cũng là một nhân tố tạo nên những hành vi xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Nguyên nhân thứ tư, trên phương diện chủ quan, quá trình thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa trong đời sống xã hội và quá trình thực hiện hàng loạt các nhiệm vụ khác trong sự nghiệp đổi mới đất nước sẽ tất yếu dẫn đến sự phát triển của nhiều mối quan hệ mới, nhiều hoạt động xã hội phức tạp, mà cụ thể là các giao dịch hợp đồng kinh tế, dân sự từ đó mâu thuẫn, dễ dẫn đến những hành vi ứng xử thái quá, phát sinh hành vi phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân; v.v...

Nguyên nhân thứ năm, công tác xét xử và đấu tranh phòng và chống tội phạm này chưa thật sự triệt để và chưa đồng bộ.

Do đó, việc đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ đối với việc xây dựng các giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa tội phạm này một cách có hiệu quả và lợi ích cao nhất, mà còn bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân, quyền con người một cách thiết thực nhất.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ TỘI XÂM PHẠM CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN

3.1. Sự cần thiết và ý nghĩa của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân

Trong phần này, tác giả làm sáng tỏ sự cần thiết và ý nghĩa của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân.

3.1.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân

Hoàn thiện pháp luật hình sự về tội xâm phạm chỗ ở của công dân là nhu cầu cấp thiết xuất phát từ yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW "Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị nhằm khắc phục kịp thời những tồn tại trong thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử loại tội phạm này. Ngoài ra, trước yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, hòa nhập với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa kinh tế... đòi hỏi chúng ta phải có nhiều biện pháp đấu tranh phòng, chống mà một trong những biện pháp quan trọng là hoàn thiện pháp luật hình sự.

3.1.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân

Việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) về tội xâm phạm chỗ ở của công dân có ý nghĩa quan trọng dưới các góc độ chính trị - xã hội, khoa học - nhận thức và lập pháp hình sự.

3.2. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân

3.2.1. Nhận xét chung

Qua nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành, thực tiễn xét xử về tội xâm phạm chỗ ở của công dân và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hành vi xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, tác giả luận văn đã rút ra những nhận xét về tội phạm này.

3.2.2. Nội dung kiến nghị sửa đổi, bổ sung

Hoàn thiện những quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân, đồng thời xử lý nghiêm minh các hành vi xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở là đòi hỏi có ý nghĩa chính trị - xã hội và pháp lý quan trọng. Theo đó, mô hình lý luận của điều luật được sửa đổi, bổ sung như sau (những chữ in nghiêng, đậm là kiến nghị của chúng tôi):

"Điều 124. Tội xâm phạm chỗ ở của công dân (sửa đổi, bổ sung)

1. Người nào khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác, đuổi trái pháp luật người khác khỏi chỗ ở của họ hoặc có những hành vi trái pháp luật khác xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân ***không kể thời gian bao lâu***, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ***hai*** năm hoặc phạt tù từ ***sáu*** tháng đến ***hai*** năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ***hai*** năm đến ***năm*** năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Gây hậu quả nghiêm trọng.
- d) ***Phạm tội nhiều lần.***
- đ) ***Xâm phạm chỗ ở của nhiều người.***

3. Người phạm tội còn có thể bị ***phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng***, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm".

*
* *

Như vậy, theo mô hình lý luận của điều luật được sửa đổi, bổ sung xét thấy cần tăng mức hình phạt của cấu thành cơ bản và cấu thành tăng nặng của điều luật, ngoài ra, cần hướng dẫn cụ thể về tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng" ở điểm c khoản 2 Điều luật này như sau: Gây hậu quả nghiêm trọng là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Gây chết người ngoài những người hợp đồng vũ lực;
- Gây tổn hại cho sức khỏe người khác mà có tỷ lệ thương tật từ 41% ngoài trường hợp đồng vũ lực;
- Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;
- Gây hậu quả nghiêm trọng khác như: người bị đuổi ra khỏi nhà đi lang thang, phải bỏ học, bỏ kinh doanh, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, uy tín của cơ quan, đơn vị, tổ chức; v.v...

3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân

Bên cạnh giải pháp hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân, đòi hỏi trên phương diện thực tiễn cần có những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định đó, nói một cách khác đó chính là góp phần phòng, chống tội phạm này. Do đó, các giải pháp tổng thể bao gồm các mục từ 3.3.1 đến 3.3.5 dưới đây.

3.3.1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân

3.3.2. Xử lý nghiêm minh, kịp thời và đúng pháp luật người phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân

3.3.3. ***Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án với các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trong phát hiện, xử lý và cải tạo, giáo dục người phạm tội xâm phạm chỗ ở của công dân***

3.3.4. ***Quản lý hành chính về trật tự xã hội, nhân khẩu, đất đai tại địa bàn phức tạp về an ninh trật tự và có mâu thuẫn, tranh chấp về chỗ ở***

3.3.5. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự liên quan đến quản lý, khám xét chỗ ở của công dân

Những giải pháp này có sự liên hệ chặt chẽ với nhau, cùng với giải pháp hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc xử lý đối với các hành vi phạm tội xâm phạm đến chỗ ở của công dân, đồng thời là tư liệu cho các nhà làm luật Việt Nam và các nhà thực tiễn trong việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử đối với loại tội phạm này.

KẾT LUẬN

Tóm lại, từ việc nghiên cứu đề tài luận văn "**Tội xâm phạm chỗ ở của công dân theo luật hình sự Việt Nam**" cho phép tôi đưa ra một số kết luận cơ bản như sau:

1. Với mục đích đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu để đề xuất nội dung hoàn thiện pháp luật về tội xâm phạm chỗ ở của công dân trong luật hình sự Việt Nam, đề tài luận văn đã cố gắng xem xét làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận, thực tiễn về tội xâm phạm chỗ ở của công dân và thực trạng các quy định của pháp luật hiện nay ở nước ta về bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở trong lĩnh vực luật hình sự để chứng minh rằng, việc bảo vệ quyền này là cần thiết và việc nghiên cứu tội xâm phạm chỗ ở của công dân càng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách.

2. Để góp phần nâng cao nhận thức đối với loại tội này, đề tài đã phân tích đánh giá thực trạng tình hình thực tiễn xét xử trên phạm vi toàn quốc trong thời gian từ năm 2000-2010, đưa ra số liệu án toàn quốc, phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác có liên quan, qua đó chỉ ra những tồn tại và các nguyên nhân trong hoạt động thực tiễn. Ngoài ra, luận văn đã phân tích làm rõ các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội xâm phạm chỗ ở của công dân (Điều 124 Bộ luật hình sự) để có quan điểm đúng đắn trong việc xét xử loại tội này.

3. Trên cơ sở nghiên cứu khía cạnh pháp lý hình sự và thực tiễn xét xử của Tòa án về tội xâm phạm chỗ ở của công dân cho thấy ý nghĩa và sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về tội phạm này trên các

phương diện lý luận, thực tiễn và lập pháp hình sự. Vì ngoài việc tập trung đấu tranh phòng, chống các tội phạm xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung, thì cũng cần ngăn chặn các hành vi xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở nói riêng là rất cần thiết - đây chính là phương pháp đảm bảo hữu hiệu nhất cho quyền này được thực thi trong thực tiễn đời sống.

4. Qua nghiên cứu thực tiễn xét xử cho thấy, bên cạnh những ưu điểm đã đạt được thì trong thực tiễn áp dụng và xét xử tội xâm phạm chỗ ở của công dân cũng tồn tại những hạn chế nhất định không chỉ trên phương diện lập pháp, mà cả dưới góc độ thực tiễn áp dụng. Điều này đòi hỏi các nhà làm luật Việt Nam cần phải chỉ ra nguyên nhân và có những giải pháp khắc phục kịp thời. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu luận văn, tôi bước đầu đã chỉ ra các nguyên nhân cơ bản và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện những quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội xâm phạm chỗ ở của công dân, cũng như các giải pháp phòng, chống loại tội phạm này. Những giải pháp này rất có ý nghĩa không những trên phương diện xã hội - pháp lý hình sự, mà còn cả trên phương diện tội phạm học để nhằm mục đích - phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả hơn loại tội phạm đã nêu trong thực tiễn hiện nay ở nước ta, qua đó góp phần khắc phục những vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân từ phía các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

5. Ở một chừng mực nhất định, luận văn đã giải quyết cơ bản và tương đối đầy đủ về những vấn đề lý luận và thực tiễn tội xâm phạm chỗ ở của công dân, đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về loại tội phạm này, nhất là dưới khía cạnh pháp lý hình sự và tội phạm học. Tuy nhiên, theo quy luật khách quan và do điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước, việc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở bằng pháp luật ở nước ta còn có những hạn chế nhất định như đã tìm hiểu, phân tích trên. Vì phạm vi của đề tài cũng như trình độ nhận thức, tác giả đề tài mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục những hạn chế đó đồng thời góp phần hoàn thiện pháp luật bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân trong luật hình sự Việt Nam hiện nay.